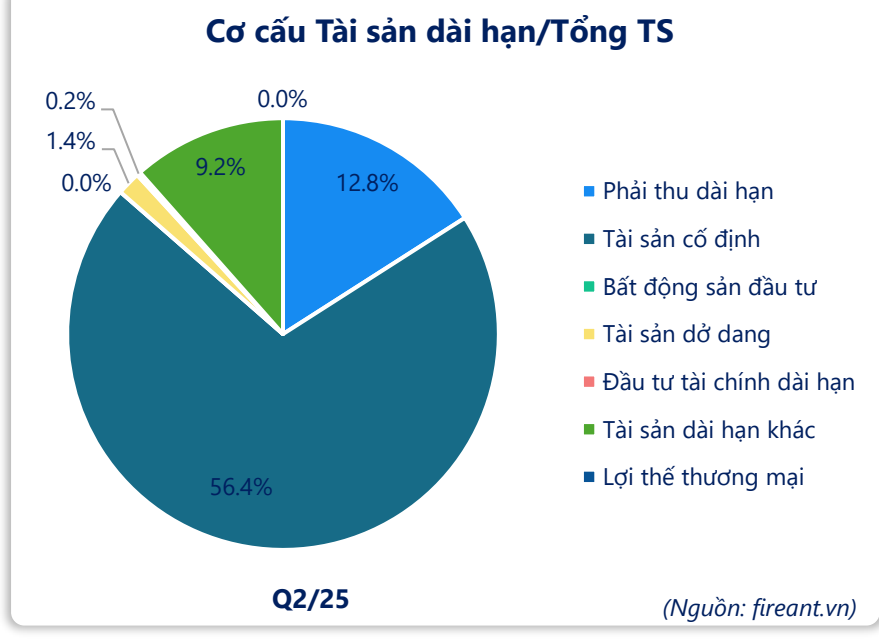
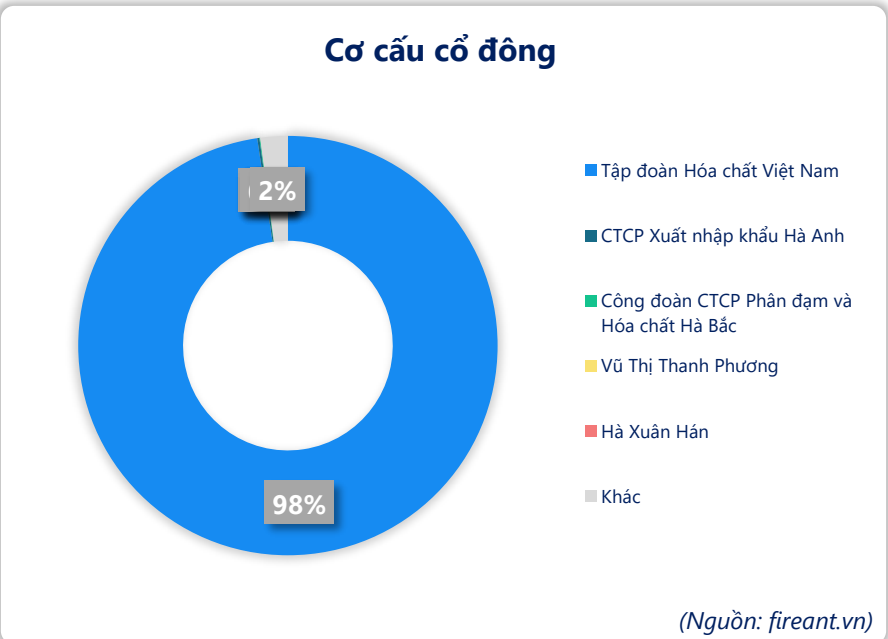
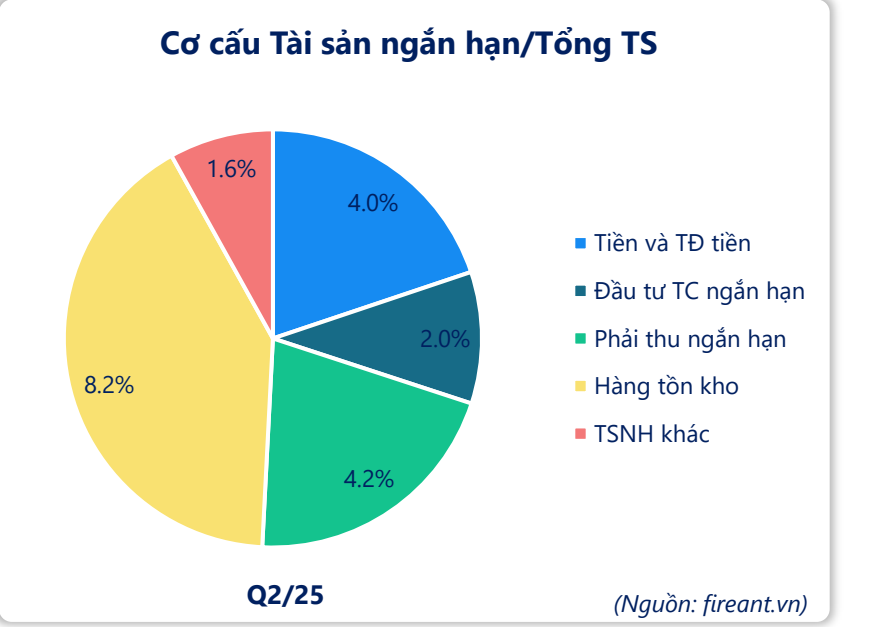
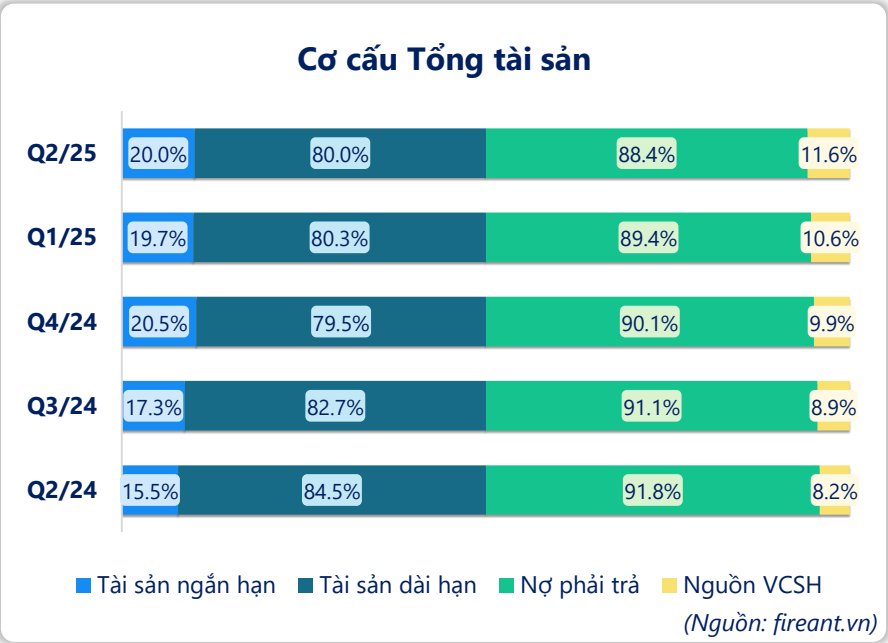
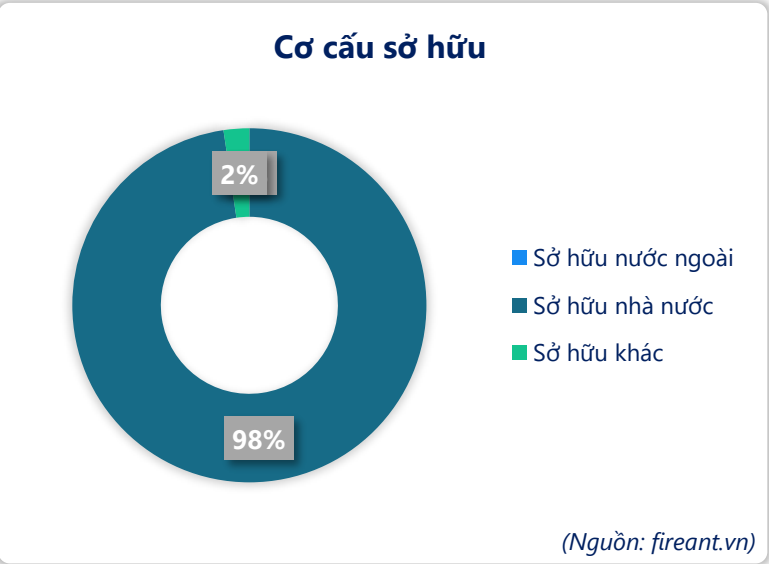
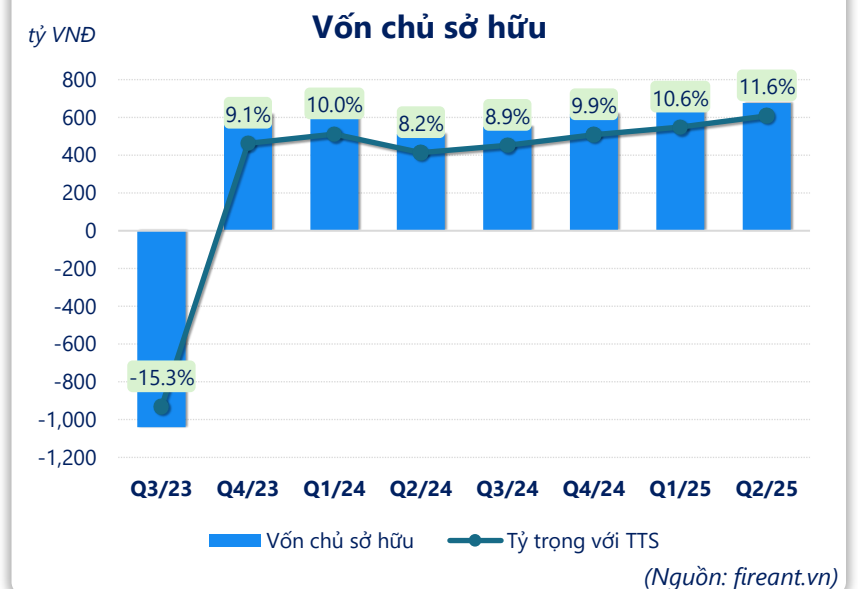
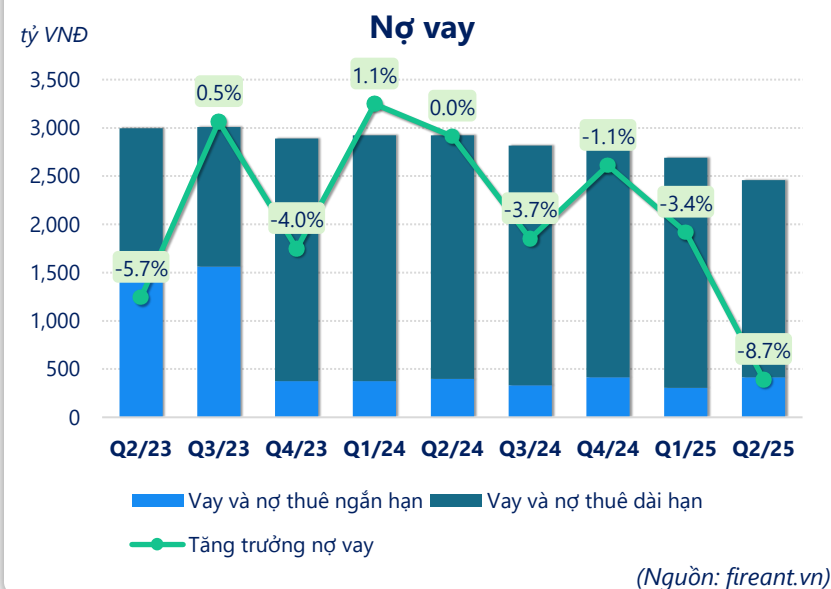
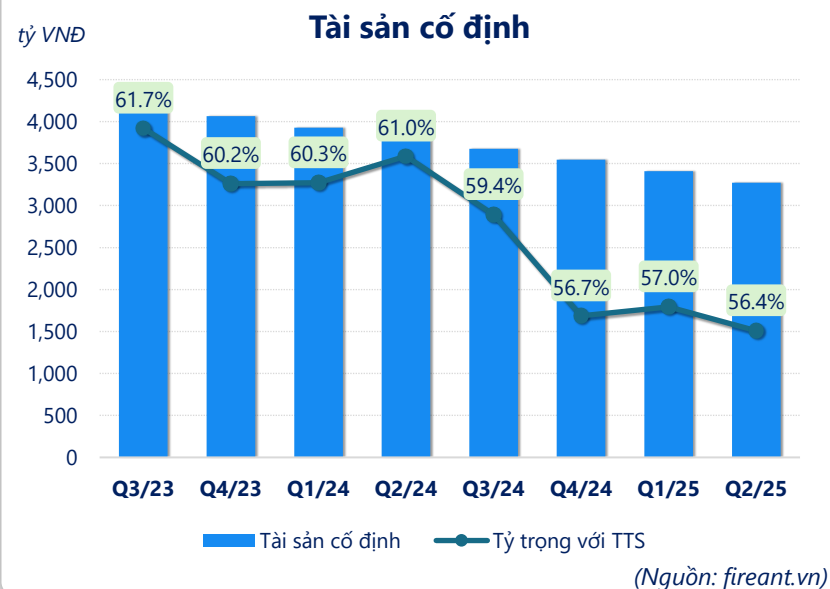
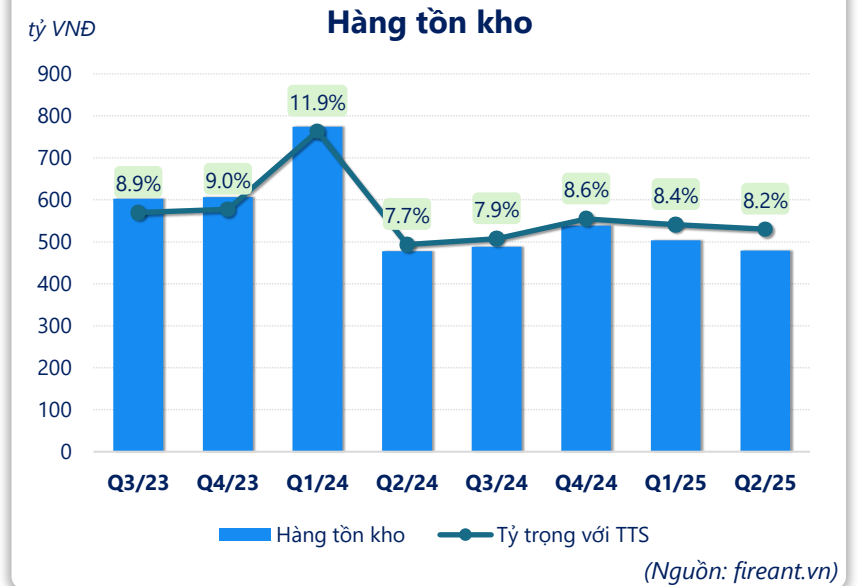
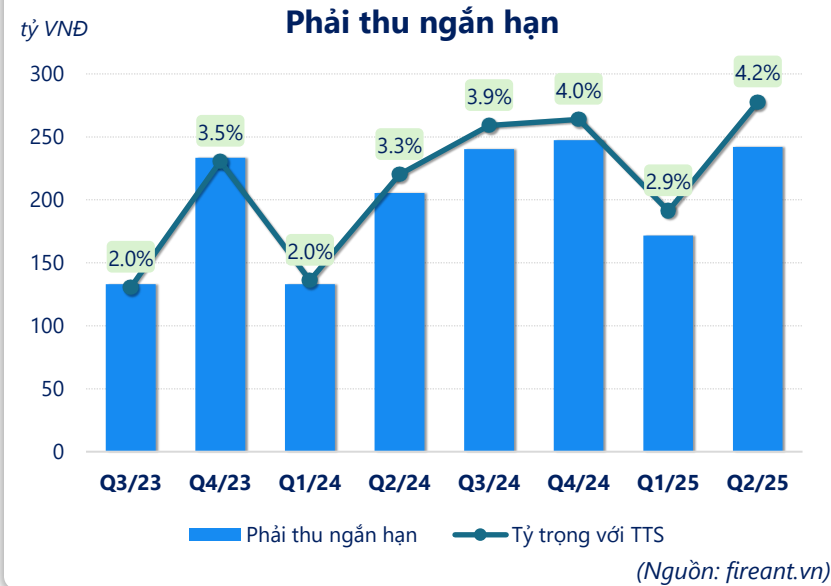
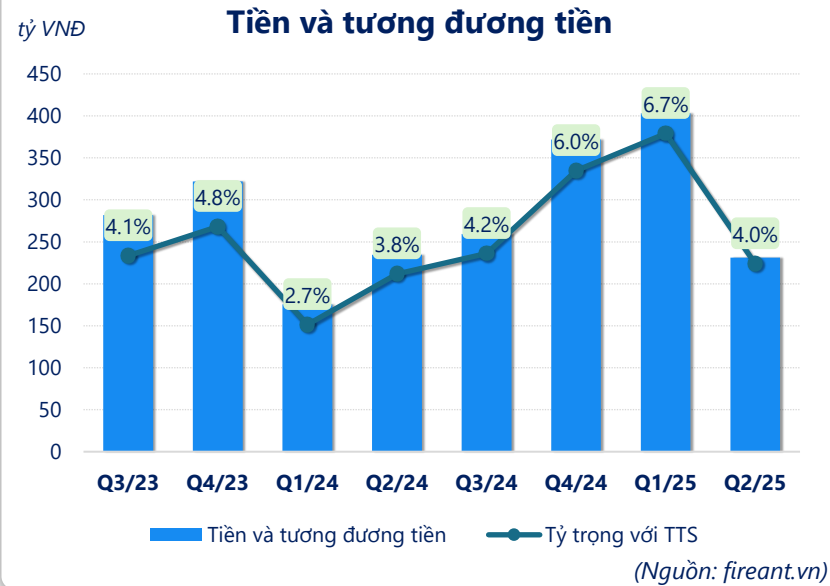
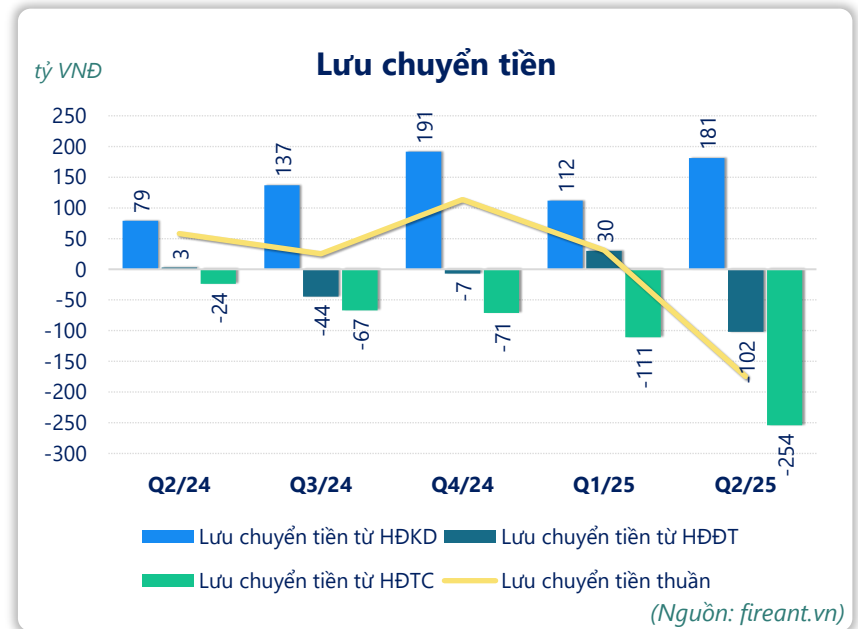
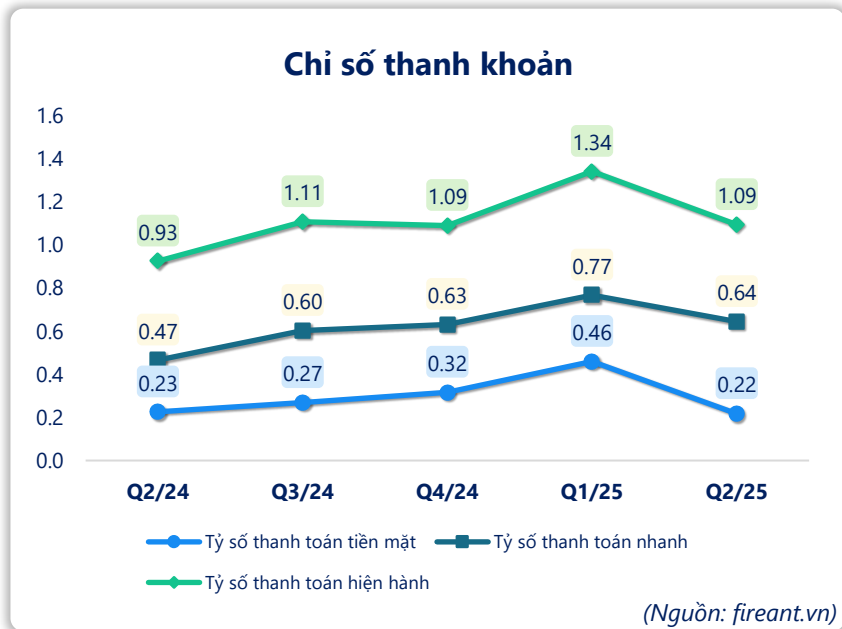
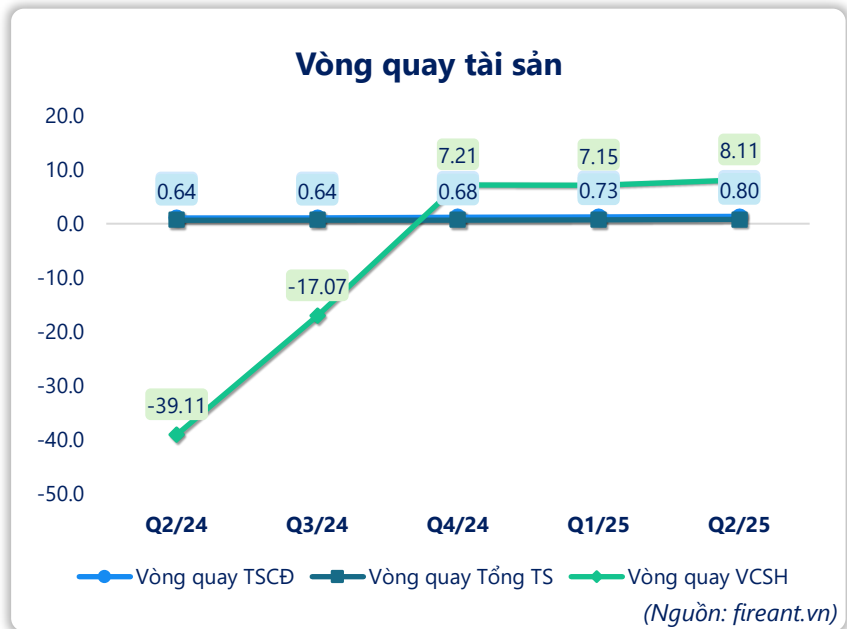
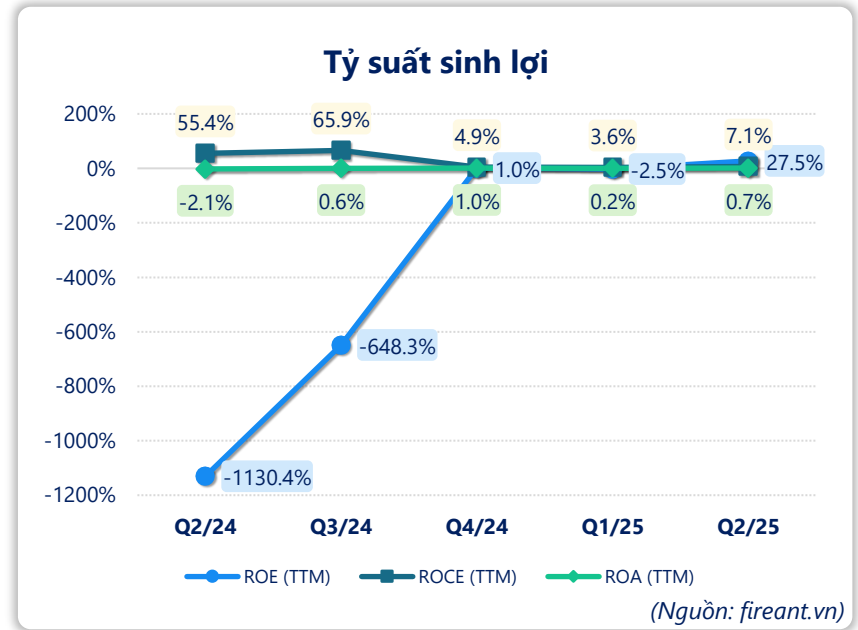
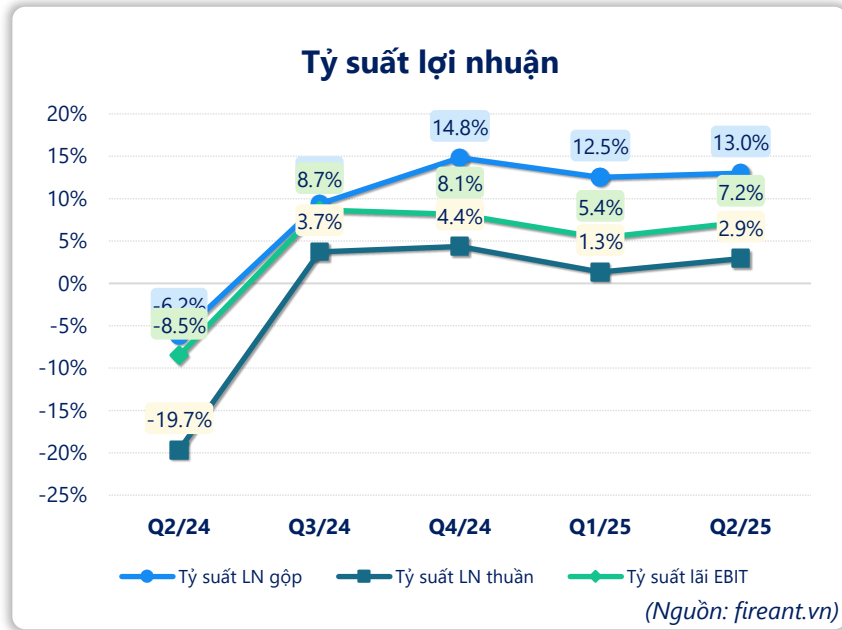
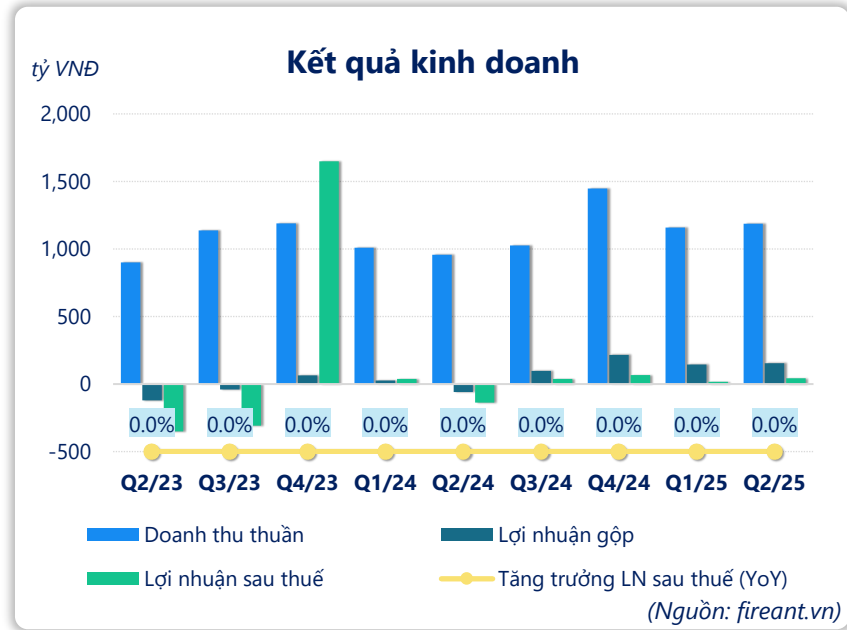


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,100
SL cổ phiếu LH		272,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,950
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,559
P/E		15.7
EPS		599

	YTD	1T	3T	6T
DHB	3.3%	3.3%	3.3%	-12.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,809	6,248	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	1,165	1,281	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	231	372	-37.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	119	48.0	147%
Phải thu ngắn hạn	242	247	-2.2%
Hàng tồn kho	479	539	-11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	93.9	74.4	26.2%
Tài sản dài hạn	4,644	4,967	-6.5%
Phải thu dài hạn	741	741	0.0%
Tài sản cố định	3,273	3,545	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	81.6	92.3	-11.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.2	13.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	535	576	-7.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,133	5,629	-8.8%
Nợ ngắn hạn	1,064	1,174	-9.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	414	415	-0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	365	386	-5.4%
Nợ dài hạn	4,069	4,456	-8.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,043	2,370	-13.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	676	618	9.3%
Vốn chủ sở hữu	676	618	9.3%
Vốn điều lệ	2,722	2,722	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	958	1,025	1,448	1,157	1,187
Giá vốn hàng bán	1,017	929	1,233	1,013	1,033
Lợi nhuận gộp	-59.0	96.1	215	145	154
Doanh thu HĐTC	5.22	49.3	11.0	1.48	10.0
Chi phí TC	82.4	51.2	98.0	65.8	66.0
Chi phí lãi vay	55.8	50.5	50.5	46.8	43.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.4	19.5	31.5	32.0	22.7
Chi phí QLDN	36.8	36.8	33.0	32.9	40.7
LN thuần từ HĐKD	-188	37.9	63.0	15.6	34.8
Lợi nhuận khác	51.0	0.33	4.28	0.03	7.20
LN trước thuế	-137	38.3	67.3	15.6	42.0
Lợi nhuận sau thuế	-137	38.3	67.3	15.6	42.0
LNST của CĐ cty mẹ	-137	38.3	67.3	15.6	42.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	79.0	137	191	112	181
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.85	-44.4	-6.88	30.2	-102
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.9	-67.1	-70.9	-111	-254
Tiền đầu kỳ	175	234	259	372	403
Lưu chuyển tiền thuần	57.9	25.2	114	31.2	-175
Ảnh hưởng tỷ giá	1.15	-0.26	-1.15	0	2.80
Tiền cuối kỳ	234	259	372	403	231

(Nguồn: fireant.vn)